

Số: /NQ-HĐND

Đồng Tháp, ngày 31 tháng 3 năm 2023

**NGHỊ QUYẾT**

**Thông qua Quy hoạch tỉnh Đồng Tháp thời kỳ 2021 - 2030,  
tầm nhìn đến năm 2050**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP  
KHÓA X - KỲ HỌP ĐỢT XUẤT LẦN THỨ TƯ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ về triển khai thi hành Luật Quy hoạch;*

*Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;*

*Căn cứ Quyết định số 1195/QĐ-TTg ngày 05 tháng 8 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt lập quy hoạch tỉnh Đồng Tháp thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Căn cứ Báo cáo thẩm định số 2015/BC-HĐTD ngày 21 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng thẩm định Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 về việc báo cáo kết quả thẩm định Quy hoạch tỉnh Đồng Tháp thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Xét Tờ trình số 33/TTr-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Tỉnh về dự thảo Nghị quyết thông qua Quy hoạch tỉnh Đồng Tháp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân Tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thống nhất thông qua Quy hoạch tỉnh Đồng Tháp thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và một số nhiệm vụ, giải pháp cơ bản của Quy hoạch tỉnh Đồng Tháp, với những nội dung chủ yếu như sau:

## **I. PHẠM VI, RANH GIỚI QUY HOẠCH**

Phạm vi, ranh giới lập quy hoạch tỉnh Đồng Tháp bao gồm toàn bộ ranh giới hành chính của tỉnh Đồng Tháp với diện tích tự nhiên là 3.382,3km<sup>2</sup>, với 12 đơn vị hành chính gồm 3 thành phố (Cao Lãnh, Sa Đéc, Hồng Ngự) và 9 huyện (Tân Hồng, Hồng Ngự, Tam Nông, Thanh Bình, Tháp Mười, Cao Lãnh, Lấp Vò, Lai Vung, Châu Thành) nằm ở tọa độ 10°07' đến 10°58' vĩ độ Bắc và 105°12' đến 105°58' kinh độ Đông. Giới hạn tứ cận như sau:

- Phía Bắc giáp tỉnh Prey Veng - Campuchia;
- Phía Nam giáp tỉnh Vĩnh Long và thành phố Cần Thơ;
- Phía Tây giáp tỉnh An Giang;
- Phía Đông giáp tỉnh Long An và tỉnh Tiền Giang;

## **II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU VÀ CÁC ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN**

### **1. Quan điểm phát triển**

- Quy hoạch tỉnh Đồng Tháp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 phải phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; các quy hoạch cấp quốc gia, cấp vùng, quy hoạch vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050; các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành quốc gia, vùng. Phát triển tỉnh Đồng Tháp gắn liền với sứ mệnh quốc gia và vùng ĐBSCL trong các vấn đề đảm bảo an ninh nguồn đất - nguồn nước dưới tác động do biến đổi khí hậu, nước biển dâng và biến động nguồn nước - phù sa sông Mê Công.

- Phát triển bền vững, tuân theo quy luật “thuận thiên” là yêu cầu xuyên suốt; dựa chủ yếu vào đào tạo, hướng nghiệp, hỗ trợ doanh nghiệp và đổi mới sáng tạo; đưa kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế tri thức và chuyển đổi số trở thành nhân tố đóng góp chủ yếu cho nâng cao chất lượng tăng trưởng. Đảm bảo môi trường, thiên nhiên cho sự phát triển bền vững, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, không đánh đổi phát triển kinh tế gây hủy hoại môi trường.

- Phát triển Nông nghiệp - Công nghiệp - Dịch vụ đảm bảo hài hòa lợi thế tự nhiên đồng thời tạo sự khác biệt của Đồng Tháp với các địa phương khác. Phát triển tỉnh dựa trên chuyển đổi xanh và chuyển đổi số, đổi mới tư duy và hành động, chủ động, tích cực tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư gắn với quá trình hội nhập quốc tế, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh; phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của Tỉnh. Không đánh đổi tăng trưởng kinh tế với ô nhiễm, suy thoái môi trường.

- Phát huy tối đa nhân tố con người, xem hạnh phúc và chất lượng cuộc sống của người dân là cốt lõi và mục tiêu của sự phát triển; lấy giá trị văn hóa, con người Đồng Tháp là yếu tố, sức mạnh nội sinh quan trọng đảm bảo cho sự

phát triển bền vững. Xây dựng chính sách để khuyến khích, phát huy tinh thần cống hiến, hướng vào nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân. Lấy đầu tư, phát triển giáo dục đào tạo, hướng nghiệp là nền tảng cho phát triển bền vững, lâu dài; tạo sự chuyên biến trong đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao để nâng cao năng suất lao động, chuyển dịch mô hình tăng trưởng theo chiều sâu để thu hút lao động trình độ cao, hạn chế xu hướng di cư.

- Tổ chức, bố trí không gian phát triển các hoạt động kinh tế - xã hội trên địa bàn Tỉnh trong thời kỳ quy hoạch hợp lý để phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế đặc trưng và nguồn lực của địa phương của từng khu vực. Huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực bên ngoài để phát triển. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác, thu hút và quản lý dự án đầu tư trên địa bàn, lựa chọn thu hút đầu tư, đầu tư công có trọng tâm, trọng điểm gắn với tái cơ cấu nền kinh tế, tập trung tăng trưởng theo chiều sâu, tạo ra động lực mới cho phát triển. Kết hợp hài hòa giữa phát triển các vùng động lực kinh tế với các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội còn hạn chế.

- Chủ động hợp tác và hội nhập, thúc đẩy vai trò của tỉnh Đồng Tháp trong các mối quan hệ liên kết giữa các tỉnh trung tâm vùng Đồng bằng sông Cửu Long, vị trí chuyển tiếp trên hành lang kinh tế - đô thị Campuchia – thành phố Hồ Chí Minh, giữa vùng ĐBSCL và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

- Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên nền tảng củng cố cơ sở vật chất và lực lượng, xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc. Xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, đảm bảo cuộc sống bình yên, hạnh phúc của Nhân dân.

## **2. Mục tiêu phát triển đến năm 2030**

- Phát huy mọi tiềm năng, lợi thế, nguồn lực và yếu tố con người để đưa Đồng Tháp phát triển cân bằng, toàn diện và bền vững. Nông nghiệp đổi mới là động lực chủ yếu cho tăng trưởng, chuyển đổi tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp, đưa Đồng Tháp trở thành một trong những trung tâm sản xuất và chế biến nông sản quan trọng của vùng.

- Thu hẹp khoảng cách phát triển và tạo ra lợi thế cạnh tranh mới thông qua các giá trị gia tăng chủ đạo trong tương lai: Nông nghiệp công nghệ cao, chế biến chế tạo, năng lượng tái tạo, công nghiệp dược, công nghiệp kỹ thuật cao. Trong đó, phát triển công nghiệp chế biến rau củ quả, công nghiệp vật liệu xây dựng, phát triển năng lượng tái tạo là các mũi đột phá, hình thành hệ sinh thái công nghiệp hỗ trợ giúp Đồng Tháp thu hút nguồn nhân lực có chất lượng; từ một vùng nông nghiệp thuần nỏ trở thành một điểm đến của chuỗi giá trị kinh tế nông nghiệp bền vững.

- Phát triển thương mại – dịch vụ với tốc độ tăng trưởng cao và làm đầu tàu phát triển kinh tế - xã hội, theo hướng phát huy hiệu quả của chuỗi giá trị nguyên liệu - chế biến - kho vận - thương mại - xuất khẩu phục vụ phát triển cụm liên ngành trên các hành lang kinh tế. Phát huy lợi thế phát triển thương

mại biên giới với Campuchia thông qua các khu kinh tế cửa khẩu. Phát triển các trung tâm đầu mối, hỗ trợ dịch vụ, thương mại cấp tiểu vùng nằm ở các đô thị trọng điểm, phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu, hình thành các cụm dịch vụ hiệu quả cao.

- Các chỉ số phát triển kinh tế chủ yếu xếp trong nhóm 05 địa phương dẫn đầu của vùng ĐBSCL, đạt trên mức trung bình của cả nước. Xếp trong nhóm dẫn đầu vùng ĐBSCL về chuyển đổi số và một số lĩnh vực nông nghiệp có lợi thế. Hạ tầng giao thông nội tỉnh kết nối thông suốt, hình thành các trục giao thông kết nối liên vùng; kết cấu hạ tầng đô thị, hạ tầng xã hội theo hướng đồng bộ, hiện đại. Các lĩnh vực văn hoá - xã hội phát triển toàn diện thuộc nhóm tiên tiến cả nước. Bảo đảm quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Hợp tác, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng. Phát huy hiệu quả sức mạnh đại đoàn kết toàn dân; xây dựng tổ chức Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

### **3. Tầm nhìn đến năm 2050**

- Tầm nhìn đến năm 2050, tỉnh Đồng Tháp là trung tâm đầu mối nông nghiệp phát triển bền vững về thủy sản nước ngọt, hoa kiểng, trái cây, lúa gạo, ứng dụng công nghệ cao, sản xuất hàng hóa lớn, chất lượng và giá trị gia tăng cao của khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, dẫn đầu cả nước trong một số lĩnh vực nông nghiệp có lợi thế trên cơ sở kế thừa các thành quả của giai đoạn 2021-2030.

- Tỉnh Đồng Tháp phát huy tốt vai trò trung tâm đầu mối nông nghiệp sinh thái nước ngọt của vùng ĐBSCL, trung tâm giao lưu phát triển kinh tế giữa ĐBSCL với các nước thuộc tiểu vùng sông Mê Công, một trong những trung tâm du lịch vùng sinh thái nước ngọt của vùng ĐBSCL. Chất lượng cuộc sống của người dân ở mức cao, là một trong những nơi đáng sống và hạnh phúc của Vùng với các tiêu chí hướng đến sự cân bằng, hài hoà và bền vững. Bảo đảm quốc phòng, an ninh và đối ngoại, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội. Phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân, xây dựng tổ chức Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

### **4. Các đột phá phát triển**

Xây dựng vùng nông nghiệp - thủy sản chất lượng ổn định gắn với chuỗi cung ứng nguyên liệu công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ. Đa dạng hóa, nâng cấp và thương mại hóa các mặt hàng chính phẩm và phụ phẩm cho các lĩnh vực sản xuất công nghiệp truyền thống. Phát huy mạnh mẽ công nghiệp chế biến lương thực - thực phẩm dựa trên thế mạnh về vùng nuôi trồng nông - thủy sản truyền thống. Hình thành các chuỗi giá trị, cụm ngành hàng đặc trưng của Đồng Tháp, đặc biệt là các sản phẩm hữu cơ, sinh thái, xanh, chất lượng cao đáp ứng những thị trường khó tính. Xây dựng thương hiệu địa phương và chỉ dẫn địa lý cho các sản phẩm nông sản chủ lực của Tỉnh (lúa, xoài, sen, hoa kiểng, cá tra, vịt);

Phát huy vai trò thu hút nguyên liệu, tập kết và điều phối nông sản theo hành lang ven sông Tiền và kênh Lấp Vò. Định vị vai trò, tính chất, đẩy mạnh

đầu tư cho Trung tâm đầu mối cấp vùng tại TP. Cao Lãnh dựa trên KCN Trần Quốc Toàn hiện hữu với tổng quy mô dự kiến 200 - 400ha, trở thành một trung tâm chế biến – cung ứng cấp vùng với nguồn nguyên liệu ổn định tại chỗ và sản phẩm có khả năng chế biến sâu;

Tạo điều kiện đẩy nhanh đầu tư các tuyến hạ tầng giao thông cấp vùng đi qua tỉnh Đồng Tháp (cao tốc Hồng Ngự - Cao Lãnh - Trà Vinh với giai đoạn đầu là đoạn An Hữu - Cao Lãnh, cao tốc N2 kết nối Mỹ An - Cao Lãnh, tuyến đường kết nối Sa Đéc (Đồng Tháp) - Ô Môn (thành phố Cần Thơ) - Giồng Riềng (Kiên Giang), tuyến kết nối Khánh Bình - Chợ Mới (An Giang) - Lấp Vò (Đồng Tháp), tạo tiền đề thu hút các doanh nghiệp có quy mô dịch vụ cấp quốc gia và quốc tế; đẩy mạnh lĩnh vực phát triển đô thị và dịch vụ đô thị sau năm 2025;

Phát triển các không gian kinh tế - đô thị mới dựa trên mối quan hệ liên kết - hợp tác vùng với thành phố Cần Thơ qua sông Hậu (hành lang ven sông Hậu), với thành phố Hồ Chí Minh (trục xuyên Đồng Tháp Mười từ thành phố Cao Lãnh), với nước bạn Campuchia (khu vực cửa khẩu theo tuyến đường bộ và đường thủy). Định vị các đô thị mới dựa trên lợi thế và đặc trưng địa phương để tạo hiệu ứng về quảng bá thương hiệu lãnh thổ, thu hút lưu trú và phát triển dịch vụ, du lịch theo chuyên đề;

Phát triển hệ sinh thái doanh nghiệp cân bằng, bền vững và mang tính kế thừa, lấy hạt nhân là các doanh nghiệp đầu ngành trong và ngoài Tỉnh cùng hệ thống các doanh nghiệp vệ tinh vừa và nhỏ mang tính bổ trợ, nhằm thu hút và giữ chân lao động đang chuyển dịch về Tỉnh. Phát triển nguồn nhân lực, công nghệ và hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ là lĩnh vực trọng tâm cần ưu tiên triển khai. Chú trọng nâng cao chất lượng tiện nghi đô thị, an sinh, điều kiện giáo dục, y tế, văn hóa cho các lao động này;

Ngoài các lĩnh vực thương mại, dịch vụ truyền thống, cần tạo điều kiện cho các lĩnh vực dịch vụ đổi mới: thu mua/tồn trữ/giao dịch quy mô lớn; cảng vụ/logistic; quản lý/cho thuê/bảo trì tài sản và công cụ sản xuất kinh doanh; các dịch vụ tài chính (tín dụng, kiểm toán, định giá, tín dụng tài chính); các dịch vụ chuyên giao/giải pháp online và 4.0; dịch vụ bất động sản; dịch vụ trung cao cấp về giáo dục, y tế, văn hóa, giải trí nghỉ dưỡng;

Liên kết với các tỉnh Long An, Tiền Giang để xây dựng Dự án đột phá tiêu Vùng Đồng Tháp Mười mang tầm quốc gia, mục tiêu xây dựng Đồng Tháp Mười thành Trung tâm dự trữ phát triển quốc gia cả ở khía cạnh Trung tâm dự trữ nguồn nước ngọt, nguồn phù sa lẫn Trung tâm khai thác tài nguyên nông nghiệp và du lịch theo tọa độ Vùng, Quốc gia.

## **5. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030**

- Về kinh tế:

(1) Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân thời kỳ 2021-2030 đạt 7 - 7,5%/năm; trong đó: nông - lâm - thủy sản tăng khoảng 3,5-3,8%/năm; công

ng nghiệp - xây dựng tăng khoảng 9%/năm; thương mại - dịch vụ tăng khoảng 11,35%/năm.

(2) Quy mô nền kinh tế đến năm 2030 tăng khoảng 2,5 lần so với năm 2021.

(3) Cơ cấu GRDP năm 2030: ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm khoảng 22%; ngành công nghiệp – xây dựng chiếm khoảng 27%; ngành thương mại - dịch vụ chiếm khoảng 43%; thuế và trợ cấp chiếm khoảng 8% trong cơ cấu kinh tế.

(4) GRDP bình quân đầu người đạt khoảng 150 triệu đồng/người/năm.

(5) Kinh tế số chiếm 10% GRDP, tổng chi ngân sách cho hoạt động KHCN và ĐMST phân đầu duy trì 2% tổng chi ngân sách của Tỉnh.

(6) Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân giai đoạn 2021 - 2030 đạt tối thiểu 8%/ năm. Tỷ lệ đóng góp của năng suất tổng hợp vào tăng trưởng kinh tế (TFP/GRDP) đến năm 2030 là 50%.

(7) Tiếp tục thuộc nhóm dẫn đầu cả nước về Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index), Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI), Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI).

(8) Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tăng bình quân 6,07%/năm giai đoạn 2021-2030. Trong đó tăng 3,8%/năm giai đoạn 2021- 2025 và 8,38%/năm giai đoạn 2026-2030.

(9) Huy động vốn đầu tư phát triển toàn xã hội thời kỳ 2021-2030 đạt 303.491 tỷ đồng.

(10) Thu hút khách tham quan, du lịch đạt 7 triệu lượt khách.

- Về văn hóa, xã hội, giáo dục, y tế:

(1) Tỷ lệ tăng dân số bình quân giai đoạn 2021-2030 đạt khoảng 0,6-1,2%, đến năm 2030 dân số toàn tỉnh ước đạt khoảng 1.700.000 - 1.800.000 người.

(2) Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 85%, trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt 65%.

(3) Tỷ trọng lao động khu vực phi nông nghiệp đạt trên 65%.

(4) Chỉ tiêu phát triển con người HDI ở nhóm cao đạt khoảng 0,75 vào năm 2030 ( $0.700 < HDI < 0.800$ ).

(5) Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt trên 95%.

(6) Tỷ lệ giảm hộ nghèo giai đoạn 2021-2030 bình quân 0,32%; tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều đạt mức dưới 1,2%.

(7) Tỷ lệ Cơ sở giáo dục đạt chuẩn Quốc gia: mầm non 75%, tiểu học 70%, trung học cơ sở 80%, trung học phổ thông 90%.

(8) Đạt 32 giường bệnh trên 10.000 dân.

(9) Đạt 12 bác sĩ trên 10.000 dân.

(10) Đạt trên 3,04 được sĩ đại học trên 10.000 dân.

(11) Đạt trên 18 điều dưỡng viên trên 10.000 dân.

- Về môi trường:

(1) Tỷ lệ sử dụng nước sạch đối với dân cư thành thị đạt 99,9%, đối với dân cư nông thôn đạt trên 98%.

(2) Tỷ lệ thu gom, xử lý nước thải đạt trên 50% đối với các đô thị loại I, II, III và trên 20% đối với các đô thị còn lại.

(3) Tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại từ đô thị và công nghiệp đạt 100%.

- Về không gian và kết cấu hạ tầng:

(1) Tỷ lệ đô thị hoá năm 2030 đạt trên 42%.

(2) 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó có 50% số xã đạt chuẩn nâng cao. 100% đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó, 50% đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

(3) Diện tích nhà ở bình quân đầu người đạt 29 m<sup>2</sup> sàn/người. Trong đó: khu vực đô thị đạt 30.75 m<sup>2</sup> sàn/người, khu vực nông thôn đạt 27.35 m<sup>2</sup> sàn/người.

- Về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội:

Bảo đảm vững chắc quốc phòng - an ninh; giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội, chủ quyền biên giới quốc gia; mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế. Xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển. Xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an ninh, an toàn, văn minh.

### **III. PHÁT TRIỂN NGÀNH, LĨNH VỰC**

#### **1. Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực quan trọng của Tỉnh**

##### *a) Ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản*

- Nông nghiệp tiếp tục giữ vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, là trụ đỡ của nền kinh tế, đặc biệt là bảo đảm an ninh lương thực, góp phần giữ gìn, phát huy bản sắc văn hoá dân tộc và bảo vệ môi trường sinh thái của địa phương. Tiếp tục phát huy ưu thế của Tỉnh (đất nước, lao động trong điều kiện biến đổi khí hậu) về sản xuất nông nghiệp làm động lực phát triển kinh tế - xã hội hiệu quả và bền vững trên nền tảng KH-CN, đổi mới sáng tạo và nguồn nhân lực chất lượng cao.

- Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy “làm kinh tế nông nghiệp”, khơi dậy mọi tiềm năng và nguồn lực, tạo động lực mới cho phát triển nông nghiệp theo chiều sâu và bảo vệ môi trường. Phát triển nông nghiệp đồng bộ gắn với xây dựng nông thôn mới, thực hiện chuyển đổi số, phát triển kinh tế tuần hoàn, nâng cao chuỗi giá trị sản xuất và cải thiện môi trường sinh thái là nhiệm vụ trọng tâm của quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá và phát triển bền vững nông nghiệp.

- Hoàn thiện toàn diện, đồng bộ thể chế phát triển nền kinh tế, tạo môi trường thuận lợi để huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, thúc đẩy đầu tư, sản xuất kinh doanh. Sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tự nhiên - kinh tế - xã hội, trước hết là lao động, đất đai và rừng; khai thác tốt các điều kiện thuận lợi trong hội nhập quốc tế cho phát triển lực lượng sản xuất trong nông nghiệp, nông thôn; phát huy cao nội lực, ứng dụng nhanh các thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến cho nông nghiệp, nông thôn, phát triển nguồn nhân lực, nâng cao dân trí nông dân.

- Phát triển sản xuất hàng hoá tập trung, quy mô lớn các ngành hàng chủ lực của Tỉnh theo hướng hiện đại, giá trị gia tăng cao, gắn với chuyển đổi số, phát triển kinh tế số trên nền tảng khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nông sản hàng hóa, đảm bảo hài hoà, hiệu quả thị trường trong nước và quốc tế.

- Tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng, ưu tiên nguồn lực phát triển hạ tầng nông thôn, hạ tầng vùng chuyên canh; đẩy mạnh chuyển đổi số trong nông nghiệp, phát triển kinh tế số trên nền tảng KH-CN, đổi mới sáng tạo; nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế, gắn kết hài hoà, hiệu quả thị trường trong nước và quốc tế.

- Chủ động thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai, dịch bệnh; quản lý, khai thác và sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả và bền vững tài nguyên nông nghiệp, lấy bảo vệ môi trường sống và sức khỏe của người dân làm mục tiêu hàng đầu cho phát triển trong tương lai.

- Phát triển nông nghiệp là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội; trước hết, phải khơi dậy tinh thần yêu nước, tự chủ, tự lực tự cường vươn lên của nông dân; phát triển thế mạnh về nền tảng và kinh nghiệm xây dựng hệ thống công nghiệp chế biến nông sản, hệ thống tổ chức cộng đồng, nhất là các hội quán, đội ngũ cán bộ có tư duy mới và có quyết tâm mới sau một thời kỳ đổi mới cơ cấu nông nghiệp thành công; xây dựng xã hội nông thôn ổn định, hoà thuận, có đời sống văn hoá phong phú, đậm đà bản sắc dân tộc, tạo động lực cho phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới, nâng cao đời sống nông dân, bảo đảm an ninh, quốc phòng.

#### *b) Ngành công nghiệp - xây dựng:*

- Triển khai thực hiện có hiệu quả các đề án phát triển ngành công nghiệp; đẩy mạnh tái cơ cấu ngành công nghiệp gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của hàng hóa; cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, hoàn thiện hệ sinh thái khởi nghiệp, sáng tạo để khuyến khích tinh thần khởi nghiệp trong tầng lớp Nhân dân, đặc biệt là thanh niên, sinh viên, trí thức.

- Triển khai mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế chia sẻ phù hợp với xu thế phát triển của kinh tế số, cách mạng công nghiệp 4.0 và thực tiễn phát triển của Tỉnh; tạo môi trường thuận lợi, cạnh tranh bình đẳng giữa nền kinh tế chia sẻ với mô hình kinh doanh dịch vụ truyền thống. Nâng cao giá trị sản phẩm công nghiệp



trên cơ sở cơ giới hóa, tự động hóa, ứng dụng thành quả của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 trong quá trình thực hiện tái cơ cấu ngành công nghiệp. Phát triển ngành công nghiệp theo mô hình ứng dụng công nghệ, tin học vào tổ chức sản xuất để nâng cao năng suất, hiệu quả và giá trị sản xuất. Đồng thời phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn Tỉnh gắn với hoạt động kinh tế của các làng nghề gắn liền với bảo tồn phát triển văn hóa truyền thống.

- Tập trung phát triển các ngành công nghiệp chủ lực như: chế biến nông thủy sản, sản xuất trang phục, sản xuất da giày, cơ khí chính xác, dược phẩm, sản xuất máy phục vụ chế biến nông sản, thực phẩm,...

- Tập trung phát triển công nghiệp hỗ trợ phục vụ phát triển ngành cơ khí. Đồng thời duy trì ổn định các ngành công nghiệp nền tảng, công nghệ hỗ trợ khác nhằm đảm bảo phát triển công nghiệp ổn định, bền vững.

- Khai thác có hiệu quả các tiềm năng, lợi thế của Tỉnh để đẩy mạnh phát triển sản xuất công nghiệp theo hướng tập trung, quy mô, nâng cao hàm lượng công nghệ trong sản phẩm sản xuất, cải thiện sức cạnh tranh, mở rộng thị trường tiêu thụ ra ngoài Tỉnh. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp chế biến nông thủy sản gắn với các vùng sản xuất tập trung mà địa phương đang có lợi thế. Hình thành các trung tâm chế biến nông thủy sản, thực phẩm theo cụm liên kết gắn với phát triển hệ thống logistics; phát triển các mô hình kinh tế xanh, phát triển các vùng nguyên vật liệu trong Tỉnh để chủ động hơn các yếu tố đầu vào phục vụ sản xuất - kinh doanh.

- Tập trung thành lập và đầu tư hoàn chỉnh hạ tầng các khu, cụm công nghiệp để có quỹ đất sạch thu hút đầu tư; phát triển dịch vụ hỗ trợ, dịch vụ hậu cần công nghiệp ven sông Tiền, sông Hậu, kênh xáng Lấp Vò - Sa Đéc, khu vực Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Tháp (H. Hồng Ngự, TP. Hồng Ngự, H. Tân Hồng) và khu vực Đồng Tháp Mười phù hợp với xu hướng xanh, thân thiện với môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu. Đồng thời kêu gọi đầu tư đa dạng hóa các ngành, lĩnh vực sản xuất trang phục, da giày; công nghiệp cơ khí tự động hóa trong nông nghiệp và linh kiện máy chế biến nông sản thực phẩm; công nghiệp hỗ trợ cho các ngành cơ khí chế tạo.

- Tiếp tục đồng hành cùng doanh nghiệp, hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực quản trị, vận dụng các chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu đổi mới sáng tạo, phát triển sản phẩm mới, sản phẩm chế biến sâu. Tổ chức đào tạo nghề, mở các lớp truyền nghề nâng cao cho các cơ sở tiểu thủ công nghiệp hiện có, đồng thời chuẩn bị nguồn nhân lực có tay nghề cho các dự án công nghiệp sắp sửa hoàn thành.

- Phát triển kinh tế xanh, tăng cường sử dụng năng lượng tái tạo thay cho năng lượng truyền thống, giảm sử dụng bao bì, túi ni lon và thay bằng các túi dễ phân hủy, đẩy mạnh tiến độ xây dựng và đưa vào vận hành các nhà máy xử lý nước thải tại các khu, cụm công nghiệp.

- Cùng cố và phát triển các làng nghề tiểu thủ công nghiệp truyền thống như: dệt chiếu, đóng xuồng, ghe, đan lưới, đan lát...

- Phát triển ngành xây dựng theo hướng hiện đại, đủ điều kiện, năng lực về trình độ chuyên môn, tài chính và nhân lực, đáp ứng nhu cầu xây dựng Tỉnh trở thành một trung tâm kinh tế hiện đại.

*c) Ngành thương mại - dịch vụ*

- Phát triển hệ thống thương mại trên địa bàn Tỉnh văn minh hiện đại, đồng bộ giữa thương mại nội Tỉnh với phát triển hệ thống thương mại đầu mối - trung chuyển - phát luồng giữa vùng kinh tế trọng điểm vùng ĐBSCL theo hướng phát huy hiệu quả của chuỗi giá trị nguyên liệu - chế biến - kho vận - thương mại - xuất khẩu phục vụ phát triển cụm liên ngành trên các hành lang kinh tế. Chú trọng liên kết vùng để phát triển thương mại, mở rộng giao thương trên phạm vi toàn quốc và các quốc gia trong vùng ASEAN.

- Phát triển các trung tâm đầu mối, hỗ trợ dịch vụ, thương mại cấp tiểu vùng nằm ở các đô thị trọng điểm, phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu, hình thành các cụm dịch vụ hiệu quả cao; hình thành trung tâm logistic phục vụ chế biến gạo.

- Phát triển khu kinh tế cửa khẩu với 2 cửa khẩu quốc tế là Thường Phước (huyện Hồng Ngự) và Dinh Bà (huyện Tân Hồng) trở thành một cực tăng trưởng kinh tế năng động và bền vững của Tỉnh, khu kinh tế cửa khẩu tích hợp đa mục tiêu gồm kinh tế, an ninh - quốc phòng; xây dựng cơ chế để phát triển các khu thương mại phi thuế quan. Xây dựng chính sách ưu đãi đầu tư khu vực biên giới, chính sách thu hút người dân sinh sống tại biên giới và tạo việc làm.

- Phát triển các ngành dịch vụ theo hướng nâng cao năng lực cạnh tranh, tập trung nguồn lực phát triển một số ngành dịch vụ tiềm năng, có hàm lượng tri thức và công nghệ cao, có giá trị gia tăng cao như logistic và vận tải, công nghệ thông tin và truyền thông, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, dịch vụ du lịch, y tế, khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo; hướng tới hình thành cơ cấu kinh tế hiện đại, đảm bảo khai thác tốt các nguồn lực cho tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

- Mở rộng thị trường, đa dạng hóa sản phẩm xuất khẩu, xây dựng thương hiệu địa phương và đáp ứng chuẩn kỹ thuật xuất khẩu.

- Phát triển kinh tế số, thương mại điện tử dựa vào tiềm năng, thế mạnh của các địa phương trong vùng, tăng cường áp dụng công nghệ, chuyển đổi số.

- Đẩy mạnh liên kết vùng, hình thành mạng lưới ABCD Mê Kông - An Giang, Bến Tre, Cần Thơ và Đồng Tháp, kết nối mạng lưới thương mại dịch vụ, phát triển thương hiệu sản phẩm và hỗ trợ doanh nghiệp.

## **2. Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực khác**

*a) Giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp*

- Phấn đấu xây dựng toàn Tỉnh xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030 cấp tỉnh theo Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 25 tháng 5 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ.

- Đẩy mạnh việc xây dựng cộng đồng học tập cấp xã tại các địa phương; tiếp tục thực hiện Đề án đẩy mạnh phong trào học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ,

cộng đồng trong giai đoạn 2021 - 2030. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo, xây dựng các mô hình học tập linh hoạt, nguồn học liệu mở, dựa trên nền tảng của công nghệ số, bảo đảm tiếp cận giáo dục công bằng, hiệu quả.

- Xây dựng, phát triển các cơ sở giáo dục mầm non theo hướng chuẩn hóa về cơ sở vật chất và về năng lực chuyên môn, phẩm chất đạo đức của đội ngũ giáo viên. Nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ, đảm bảo sự phát triển toàn diện cho trẻ về cả mặt thể chất, trí tuệ, tình cảm xã hội, đặc biệt chú ý đến công tác giáo dục trẻ khuyết tật hòa nhập. Phát triển các cơ sở giáo dục mầm non theo hình thức công lập là chủ yếu.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả chương trình giáo dục phổ thông; nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục các cấp học và trường chuẩn quốc gia; quan tâm đầu tư giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập. Đẩy mạnh xã hội hóa trong phát triển giáo dục và đào tạo.

#### *b) Y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân*

- Phát triển hệ thống y tế tỉnh Đồng Tháp từng bước hiện đại và bền vững đồng bộ với mục tiêu, định hướng phát triển hệ thống y tế Tỉnh và cả nước; đảm bảo công bằng, hiệu quả, chất lượng đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của Nhân dân; đảm bảo tính hệ thống, liên tục trong hoạt động chuyên môn của từng tuyến và giữa các tuyến.

- Phát triển sự nghiệp chăm sóc sức khỏe Nhân dân theo hướng dự phòng tích cực. Đẩy mạnh hiệu quả chính sách bảo hiểm y tế hướng đến phát triển bảo hiểm y tế toàn dân. Phát triển nhanh các dịch vụ y tế chất lượng cao, xã hội hóa đầu tư một số bệnh viện với dịch vụ chất lượng cao.

- Thực hiện công tác kế hoạch hóa gia đình theo hướng duy trì vững chắc mức sinh thay thế đảm bảo thực hiện tốt Chiến lược Dân số Việt Nam đến 2030 và chăm sóc sức khỏe sinh sản, nâng cao sức khỏe người dân về thể chất, tâm vóc, tuổi thọ.

#### *c) Văn hóa, thể thao*

- Phát triển lĩnh vực văn hóa, thể thao phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng, chiến lược, quy hoạch phát triển ngành VH-TT quốc gia.

- Xây dựng môi trường văn hóa, thể thao một cách toàn diện từ gia đình đến cộng đồng dân cư. Xây dựng văn hóa và con người Đồng Tháp nghĩa tình, năng động, sáng tạo, thống nhất trong đa dạng của cộng đồng các dân tộc trên địa bàn Tỉnh, với các đặc trưng dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học

- Xây dựng văn hoá và con người Đồng Tháp vừa là mục tiêu, vừa là động lực để phát triển kinh tế - xã hội, thống nhất trong đa dạng, kế thừa, phát huy các giá trị văn hoá truyền thống dân tộc và mang bản sắc, đặc trưng Đồng Tháp. Phát huy giá trị văn hoá, phát huy truyền thống lịch sử, văn hoá Đồng Tháp trên nền tảng giá trị của văn hoá Việt Nam; qua đó, hình thành đạo đức, nhân cách, tính tự tin, tự trọng, tự lực, nuôi dưỡng và phát huy tinh thần "Tự hào công dân Đất Sen Hồng"; nâng tầm

nhận thức của người dân Đồng Tháp trở thành nền tảng tinh thần, động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội Tỉnh theo hướng hiệu quả, bền vững trong bối cảnh phát triển mới của đất nước, của vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

- Hoàn thiện thể chế, cơ chế quản lý các lĩnh vực văn hóa, thể thao; tạo môi trường hoạt động tốt hơn, khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư, xây dựng trong lĩnh vực văn hóa, thể thao; từng bước xã hội hóa các đơn vị sự nghiệp.

- Phát triển thể thao thành tích cao, tập trung vào các môn thể mạnh, môn thể thao Olympic. Tăng cường tổ chức cho các vận động viên tham gia thi đấu các giải trong nước và quốc tế.

- Gắn kết chặt chẽ những hoạt động văn hóa, thể thao với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với khu vực: Đô thị, vùng nông thôn, biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, v.v và phù hợp với nhu cầu ngày càng cao của người dân, góp phần xây dựng Đồng Tháp thực hiện mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

- Tập trung tu bổ di tích; nâng cấp, phát huy văn hóa phi vật thể, lễ hội, nghệ thuật trình diễn dân gian; gắn kết chặt chẽ giữa văn hóa với thể thao; tiếp tục củng cố, mở rộng liên kết với du lịch.

#### *d) Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo*

- Phát triển KHCN và ĐMST là đột phá chiến lược, là động lực quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh; là nền tảng và động lực then chốt để thực hiện tái cơ cấu và đổi mới mô hình tăng trưởng.

- Phát triển KHCN và ĐMST lấy doanh nghiệp làm trung tâm, là động lực chính của tăng trưởng kinh tế, tạo bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của Tỉnh.

- Đẩy mạnh đóng góp của Năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) của tỉnh, thông qua việc (i) chuyển đổi mô hình tăng trưởng và tái cơ cấu kinh tế của tỉnh Đồng Tháp, (ii) đổi mới chính sách về đổi mới sáng tạo, khoa học và công nghệ nhằm thúc đẩy nâng cao năng suất lao động và năng suất vốn.

#### *đ) Chính sách lao động và an sinh xã hội*

- Tiếp tục nâng cao trình độ học vấn của nhân lực. Củng cố, nâng cao mức độ đạt chuẩn của các trường dạy nghề phù hợp với tình hình và xu thế phát triển của đất nước.

- Đào tạo, bồi dưỡng, thu hút và sử dụng nhân lực, nhân tài có trình độ một cách hiệu quả, tăng tỷ trọng lao động cho khu vực công nghiệp, xây dựng và dịch vụ. Ưu tiên phát triển đào tạo nghề, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển KT-XH của Tỉnh. Tập trung đầu tư, phát triển các hoạt động thông tin, dự báo thị trường lao động.

- Thực hiện đồng bộ, toàn diện và hiệu quả các chương trình, dự án giảm nghèo; tạo cơ hội cho người nghèo tiếp cận chính sách trợ giúp về hạ tầng phục

vụ sản xuất, đất đai, tín dụng, đào tạo nghề, tạo việc làm. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm và tính tự lực của các hộ nghèo để vươn lên thoát nghèo, khá giả.

- Phát triển mạnh các hoạt động an sinh xã hội; thực hiện tốt các chính sách xã hội, vận động toàn dân tham gia các hoạt động “Đền ơn, đáp nghĩa”, chăm sóc người có công với đất nước, đảm bảo đời sống ngang bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình nơi cư trú; đẩy mạnh các hoạt động từ thiện, nhân đạo để hỗ trợ những người yếu thế, nghèo khó trong xã hội, tạo thuận lợi cho họ tự vươn lên hoà nhập cộng đồng.

#### *e) An ninh, quốc phòng*

- Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên nền tảng củng cố cơ sở vật chất và lực lượng, xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc. Giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội, chủ quyền biên giới quốc gia; mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế. Xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển. Xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, đảm bảo cuộc sống bình yên, hạnh phúc của Nhân dân.

### **III. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT**

#### **1. Phương án phát triển mạng lưới giao thông**

- Hệ thống quốc lộ: phát triển hoàn chỉnh, đồng bộ các trục giao thông quốc lộ, cao tốc, đảm bảo kết nối thuận lợi với vùng KTTĐPN, các tỉnh trong vùng Tây Nam Bộ, hình thành bộ khung chính cho mạng lưới giao thông đường bộ.

- Hệ thống đường Tỉnh: phát triển các trục giao thông đường tỉnh theo các hướng Bắc - Nam, Đông - Tây tạo thành mạng lưới giao thông liên hoàn giữa các vùng, khu vực trong Tỉnh, kết nối với hệ thống quốc lộ. Tiếp tục đầu tư, hoàn thành các công trình trọng điểm. Đến năm 2030, phần đầu 30% chiều dài mạng lưới đường tỉnh hiện có được nâng cấp đạt tiêu chuẩn cấp III.

- Hệ thống giao thông đô thị: tập trung một số tuyến giao thông có tính chất quan trọng cho sự phát triển thành phố Cao Lãnh, thành phố Sa Đéc, thành phố Hồng Ngự và một số huyện, ưu tiên cho các tuyến tránh đô thị và đường kết nối. Quỹ đất dành cho giao thông đô thị  $\geq 16\%$ .

- Hệ thống đường huyện: đảm bảo phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, kết nối giao thông tỉnh, quốc lộ với các địa phương và đường xã, liên xã, gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới. Hỗ trợ có mục tiêu cho cấp huyện đầu tư hạ tầng giao thông nông thôn góp phần hoàn thành tiêu chí huyện nông thôn mới. Đến năm 2030, 100% đường huyện được cứng hóa, đạt tiêu chuẩn tối thiểu cấp A.

- Hệ thống đường giao thông nông thôn: gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao. Phát triển giao thông nông thôn một cách bền vững, tạo sự gắn kết, liên hoàn, thông suốt từ mạng lưới giao thông quốc gia đến mạng lưới giao thông nông thôn, giữa các vùng

chuyên canh sản xuất hàng hóa lớn, vùng nguyên liệu với các điểm công nghiệp chế biến, giữa sản xuất - chế biến và tiêu thụ, kết hợp giữa kinh tế với an ninh, quốc phòng, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu phát triển kinh tế của Tỉnh và nhu cầu đi lại, giao thương, trao đổi hàng hóa của Nhân dân. Huy động mọi nguồn lực phục vụ phát triển giao thông nông thôn, thực hiện có hiệu quả phương châm “Nhà nước và Nhân dân cùng làm”. Đến năm 2030, 100% các tuyến đường xã được cứng hóa, đạt tối thiểu cấp VI.

## **2. Phương án phát triển nguồn điện và mạng lưới cấp điện**

- Sản lượng điện thương phẩm đến năm 2025 đạt 3.550 triệu kWh, tăng trưởng bình quân 7,3% năm.

- Phát triển lưới điện truyền tải phải đồng bộ tiến độ đưa vào vận hành các nhà máy điện để đạt được hiệu quả đầu tư chung của hệ thống điện quốc gia và khu vực; phù hợp với Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030 tầm nhìn đến năm 2045 và các quy hoạch khác của vùng.

- Đẩy mạnh việc phát triển nguồn năng lượng tái tạo (chủ yếu là điện năng lượng mặt trời) và xem xét phát triển thêm nguồn năng lượng sinh khối, năng lượng từ rác thải, góp phần tăng nguồn cung cấp năng lượng tại chỗ, giảm tổn thất trong truyền tải, góp phần giảm nhu cầu sử dụng năng lượng hóa thạch trong sản xuất điện, giảm phát thải CO<sub>2</sub> ra môi trường.

## **3. Phương án phát triển mạng lưới cấp nước**

### *a) Nguồn cấp:*

Trong giai đoạn 2021 - 2025, UBND các huyện, thành phố thực hiện lộ trình chuyển đổi từ nước ngầm sang nước mặt trong cung cấp nước sạch; rà soát, thực hiện phương án đầu tư đường ống cấp nước tại các tiểu khu chưa có đường ống cấp nước và thực hiện ký hợp đồng cấp nước (thỏa thuận cấp nước) với các đơn vị cấp nước theo quy định để cung cấp nước sạch cho các tiểu khu này.

### *b) Hệ thống cấp:*

Ủy ban nhân dân các huyện ban hành kế hoạch cung cấp nước sạch tại địa phương giai đoạn 2021 - 2025, xác định cụ thể các đơn vị cấp nước mặt hoặc kêu gọi đầu tư tại các vùng cấp nước trên địa bàn và thực hiện lộ trình chuyển đổi từ nước ngầm sang nước mặt trong cung cấp nước sạch theo quy định tại kế hoạch trên. Trong đó, lưu ý:

+ Các TCN mặt hiện hữu trên địa bàn huyện được tiếp tục thực hiện dịch vụ cấp nước sạch nếu đảm bảo chất lượng nước, lưu lượng và cột áp theo quy định. Nếu không đảm bảo điều kiện vừa nêu, các TCN mặt này phải đầu nối, mua nước mặt giá sỉ (qua đồng hồ tổng) từ các đơn vị cấp nước mặt trên địa bàn, hoặc chuyển nhượng lại trạm, mạng lưới cấp nước của mình cho đơn vị cấp nước mặt khác (thực hiện theo quy định hiện hành).

+ Các TCN ngầm hiện hữu trên địa bàn huyện thực hiện sắp xếp việc kinh doanh nước sạch của mình, lựa chọn thực hiện một trong các phương án sau: tự

chuyển đổi qua nguồn nước mặt (nếu khả thi và phải đảm bảo chất lượng nước, lưu lượng và cột áp theo quy định); đầu nối, mua nước mặt giá sỉ (qua đồng hồ tổng) từ các đơn vị cấp nước mặt trên địa bàn; chuyển nhượng lại trạm, mạng lưới cấp nước của mình cho đơn vị cấp nước mặt (thực hiện theo quy định hiện hành) để chuyển đổi từ nước ngầm sang nước mặt trong cung cấp nước sạch theo lộ trình quy định.

+ Đối với các tiểu khu chưa có đường ống cấp nước trên địa bàn, UBND các huyện rà soát, thực hiện phương án phát triển đường ống cấp nước tại các tiểu khu này và thực hiện ký hợp đồng cấp nước (thỏa thuận cấp nước) với các đơn vị cấp nước theo quy định để cấp nước cho các tiểu khu này.

UBND các huyện, thành phố phát huy vai trò, trách nhiệm để tập trung tối đa nguồn lực, nâng cao hiệu quả đầu tư công và đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư công.

#### **4. Phương án phát triển mạng lưới thoát nước**

##### *a) Đối với hệ thống thoát nước mưa*

Đối với các đô thị cũ và các khu vực đã được đầu tư hệ thống thoát nước hiện hữu tiếp tục sử dụng hệ thống thoát nước truyền thống. Trong quá trình quy hoạch, thiết kế đối với các đô thị và các khu vực đầu tư hệ thống thoát nước mới phải có sự kết hợp các nội dung nghiên cứu sau:

Tương thích, ứng phó được với tình hình biến đổi khí hậu và nước biển dâng trong giai đoạn 2021 - 2030 ưu tiên triển khai cho các đô thị tại các khu vực chịu ảnh hưởng nặng của biến đổi khí hậu: các khu vực ven sông Tiền, sông Hậu; đến giai đoạn 2050 sẽ tiến hành triển khai rộng rãi cho các đô thị còn lại.

##### *b) Định hướng phát triển hệ thống nước thải*

Đối với các đô thị loại I, II (thành phố Cao Lãnh, thành phố Sa Đéc): Từng bước hoàn chỉnh và hoàn thiện hệ thống thu gom và xử lý nước thải. Hệ thống thu gom và xử lý nước thải thành phố Cao Lãnh giai đoạn 1 với quy mô công suất là 10.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm; tập trung nguồn lực để đầu tư mở rộng hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt của thành phố Sa Đéc.

Đối với đô thị loại III (thành phố Hồng Ngự): Từng bước xây dựng hoàn chỉnh hệ thống xử lý nước thải cho khu vực nội thị. Tùy theo điều kiện của đô thị mà xây dựng trạm xử lý nước thải theo hình thức tập trung hoặc phi tập trung với công suất hợp lý.

Đối với các đô thị loại IV: Xây dựng hệ thống nước thải nửa riêng (nước thải thu gom ở cuối nguồn bằng hệ thống cống bao và các giếng tách nước thải) cho khu vực nội thị; xây dựng các trạm xử lý nước thải theo hình thức tập trung hay phi tập trung với công suất hợp lý tùy vào điều kiện của từng đô thị để xử lý nước thải trước khi xả ra môi trường đặc biệt là các lưu vực sông.

Đối với các đô thị loại V và khu dân cư nông thôn: Từng bước xây dựng hệ thống nước thải nửa riêng (nước thải thu gom ở cuối nguồn bằng hệ thống cống

bao và các giếng tách nước thải) cho khu vực nội thị; xây dựng các trạm xử lý nước thải theo hình thức tập trung hay phi tập trung với công suất hợp lý tùy vào điều kiện của từng đô thị để xử lý nước thải trước khi xả ra môi trường đặc biệt là các lưu vực sông.

### **5. Phương án phát triển thủy lợi:**

- Nạo vét các kênh trục chính để tăng khả năng dẫn lũ, thoát lũ theo đúng yêu cầu thiết kế. Nạo vét các tuyến kênh trong nội đồng chống hạn kết hợp gia cố bờ bao chống lũ đầu tháng 8 để bảo vệ lúa Hè Thu và tạo hạ tầng phục vụ sinh kế trong mùa lũ.

- Phát triển xây dựng trạm bơm tưới tiêu, xây dựng hệ thống trạm bơm để chủ động tưới tiêu cũng như rút nước xuống giống sớm vụ Đông Xuân nhằm tránh lũ vụ Hè Thu và vụ Thu Đông có hiệu quả.

- Rà soát lại hệ thống đê bao, ô bao, ô bao nội đồng hiện có, đảm bảo chủ động kiểm soát lũ lụt, ngập úng; củng cố, nâng cấp hệ thống đê bao, ô bao hiện có phù hợp với định hướng phát triển sản xuất theo Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 324/QĐ-TTg ngày 02/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình tổng thể phát triển nông nghiệp bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. Đầu tư nâng cấp hệ thống đê đạt cao trình đỉnh lũ đầu tháng 8 phù hợp với quy hoạch thủy lợi, đê bao, bờ bao và các quy hoạch khác có liên quan đã được phê duyệt.

- Rà soát, đầu tư, xây dựng mới công trình tích trữ nước, hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước, trạm bơm điện, cống và kiên cố kênh mương đáp ứng yêu cầu tái cơ cấu nông nghiệp, gắn với xây dựng nông thôn mới theo Quyết định số 19/QĐ-UBND.HC ngày 10/1/2022 của Chủ tịch UBND Tỉnh về việc phê duyệt “Chương trình phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2021 - 2025” với mục tiêu phù hợp đề án “Hiện đại hóa hệ thống thủy lợi phục vụ chuyển đổi, phát triển nông nghiệp bền vững tại các tiểu vùng sinh thái vùng Đồng bằng sông Cửu Long” được Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 633/QĐ-TTg ngày 12/5/2020.

- Sửa chữa, nâng cấp, xây dựng mới các công trình thủy lợi nhằm chủ động kiểm soát lũ lụt, tiêu thoát nước, chuyển nước liên vùng theo Quyết định số 1652/QĐ-UBND.HC ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh Đồng Tháp phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch phát triển thủy lợi tỉnh Đồng Tháp đến năm 2020, định hướng đến năm 2050 (thích ứng lũ lụt và biến đổi khí hậu - nước biển dâng).

### **6. Phương án phát triển thông tin và truyền thông**

Phát triển nâng cao chất lượng mạng di động băng rộng 4G, mạng lưới di động băng rộng thế hệ thứ 5 (5G) đáp ứng nhu cầu sử dụng hạ tầng của nền công nghiệp công nghệ cao; số hóa việc cung cấp dịch vụ bưu chính truyền thống trên cơ sở nền tảng mã định danh xác thực điện tử của người dân (PostID); hoàn thành mạng truyền số liệu chuyên dùng từ tỉnh đến xã, xây dựng trung tâm tích hợp dữ



liệu theo công nghệ điện toán đám mây, nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu dùng chung và các hệ thống cơ sở dữ liệu quan trọng của Tỉnh, tạo nền tảng cho phát triển chính quyền điện tử đồng bộ theo khung kiến trúc Chính phủ điện tử quốc gia. Đầu tư, nâng cấp các công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm, ngầm hóa hạ tầng mạng ngoại vi, lắp đặt các điểm truy cập wifi; phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

#### **IV. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG XÃ HỘI**

##### **1. Phương án phát triển hạ tầng văn hoá, thể thao**

Tiếp tục đầu tư tôn tạo, nâng cấp, bảo vệ, khai thác có hiệu quả các di tích lịch sử - văn hóa; quan tâm đầu tư xây dựng các công trình văn hóa, thể thao cấp tỉnh đạt chuẩn.

##### **2. Phương án phát triển hạ tầng giáo dục và đào tạo**

- Tăng cường chuẩn hóa theo chuẩn quốc gia các trường (nhất là ở hệ mầm non và tiểu học) thông qua việc ưu tiên xã hội hóa vốn đầu tư nhằm thúc đẩy tỉ lệ kiên cố hóa trường lớp, nâng cấp cơ sở vật chất.

- Đặc biệt, hệ đại học cần thúc đẩy liên kết với các trường đối tác trong và ngoài nước nhằm học hỏi cách đầu tư hiệu quả theo mô hình quốc tế nhằm phục vụ cho định hướng đào tạo kinh tế theo ngành chuyên sâu.

- Đối với giáo dục phổ thông, Tỉnh vẫn tiếp tục phát huy hiệu quả theo phương thức: Phổ biến các cơ sở rộng khắp và trải dài toàn Tỉnh tại cấp thấp (từ mầm non/nhà trẻ đến cấp THCS); tập trung tại các đô thị lớn ở cấp cao hơn (cấp THCS/THPT đến bậc Đại học).

##### **3. Phương án phát triển hạ tầng lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp**

- Tập trung phát triển các cơ sở GDNN đào tạo ngành nghề trọng điểm của Tỉnh, nâng cao chất lượng đào tạo có khả năng cung ứng dịch vụ đào tạo; thu hút đầu tư thành lập cơ sở GDNN tư thực; nâng cấp trung tâm GDNN tại một số địa phương có khu kinh tế trọng điểm của Tỉnh; đầu tư các ngành, nghề trọng điểm.

- Các cơ sở GDNN được phân bố theo trọng điểm của khu vực trọng điểm của Tỉnh, trong đó các trường cao đẳng tập trung ở thành phố Cao Lãnh, các trường trung cấp và các trung tâm chủ yếu tập trung ở các huyện; số lượng thiết bị theo quy mô và cấp trình độ đào tạo tương ứng theo quy định. Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý đáp ứng đủ tiêu chuẩn.

- Nâng cấp các Trung tâm giáo dục thường xuyên tương đương với các trường THPT trên địa bàn cấp tỉnh và cấp huyện, có năng lực giáo dục và dạy nghề đảm bảo đáp ứng nhu cầu học tập và đào tạo nghề. Thực hiện liên thông về giáo dục và đào tạo giữa các Trung tâm giáo dục thường xuyên với các trường THPT và các cơ sở đào tạo khác.

- Đầu tư các cơ sở chi nhánh của Trung tâm giáo dục nghề nghiệp tại các vùng huyện nhằm hỗ trợ lực lượng lao động tại chỗ có nhu cầu có thể nhanh chóng tiếp cận, hay những ứng viên theo học có điều kiện thực hành tại chỗ để nâng cao

kết quả học tập, thúc đẩy phát triển kinh tế vùng đúng như quy hoạch đã phân chia theo phân vùng với mục tiêu đa dạng và khác nhau.

#### **4. Phương án phát triển hạ tầng y tế**

- Xây dựng hệ thống y tế tỉnh Đồng Tháp từng bước hiện đại, hoàn chỉnh, đồng bộ từ Trung ương đến địa phương theo hướng công bằng, hiệu quả và phát triển; đủ khả năng đáp ứng nhu cầu ngày càng cao và đa dạng của Nhân dân về khám bệnh, chữa bệnh, bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe. Phấn đấu để mỗi người dân được hưởng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe có chất lượng, phát triển tốt về thể chất và tinh thần, giảm tỉ lệ mắc bệnh và tử vong, nâng cao thể lực, tăng tuổi thọ, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống, chất lượng nguồn nhân lực.

- Mục tiêu đến năm 2030 phấn đấu trên 95% dân số được quản lý sức khỏe; 100% trạm y tế xã, phường, thị trấn thực hiện dự phòng, quản lý, điều trị một số bệnh không lây nhiễm. Bên cạnh đó, toàn tỉnh đạt 32 giường bệnh, 12 bác sĩ, >3,04 dược sĩ đại học, 18 điều dưỡng viên trên 10.000 dân. Tỉ lệ giường bệnh tư nhân đạt 15%.

#### **5. Phương án phát triển hạ tầng an sinh xã hội**

- Đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với các khu vực khó khăn; củng cố cơ sở hạ tầng đường bộ nông thôn, tạo kết nối với mạng lưới đường bộ chính, tạo điều kiện tiếp cận tới các thị trường.

- Phát triển mạng lưới cơ sở BTXH trên địa bàn tỉnh đảm bảo phù hợp về số lượng, quy mô, cơ cấu, loại hình cơ sở; tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tiếp cận và thụ hưởng dịch vụ trợ giúp xã hội.

- Đầu tư nâng cấp Trung tâm điều dưỡng Người có công để đảm bảo tốt năng lực điều dưỡng người có công theo quy định. Tập trung sửa chữa, cải tạo các công trình ghi công liệt sĩ khang trang, sạch đẹp.

- Tổ chức các hệ thống dịch vụ bảo vệ trẻ em, xây dựng các mô hình tư vấn, hỗ trợ trẻ em để trẻ em tiếp cận được sự trợ giúp. Nâng cao chất lượng và đào tạo bồi dưỡng cán bộ y tế nhằm hỗ trợ và trị liệu tâm lý cho trẻ em.

### **V. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN VÙNG LIÊN HUYỆN**

#### **1. Vùng trung tâm: Chuỗi đô thị và hành lang kinh tế sông Tiền**

Vùng trung tâm liên kết không gian giữa TP. Cao Lãnh, TP. Sa Đéc, các thị trấn huyện lỵ và chuỗi đô thị thuộc các huyện Thanh Bình, huyện Cao Lãnh, huyện Lấp Vò, huyện Châu Thành. Vùng trung tâm là trục động lực phát triển kinh tế - đô thị chiến lược của tỉnh Đồng Tháp, tạo ra các chuỗi giá trị đô thị có quan hệ hữu cơ chặt chẽ với các vùng sản xuất và nông thôn.

#### **2. Vùng phía Bắc: Vùng kinh tế biên giới thượng nguồn sông Tiền**

Vùng phía Bắc liên kết không gian giữa TP. Hồng Ngự, các thị trấn huyện lỵ của huyện Hồng Ngự, huyện Tân Hồng và vùng kinh tế cửa khẩu phía Bắc tỉnh Đồng Tháp. Vùng phía Bắc có vị trí đặc biệt quan trọng: là cửa ngõ của sông

Mekong đi vào Đồng bằng sông Cửu Long, đồng thời là điểm khởi đầu của ba cung kinh tế chủ đạo ven sông Hậu, ven sông Tiền và Đồng Tháp Mười. Vị trí này định vị cho vùng phía Bắc vai trò cửa ngõ giao thương quốc tế của tỉnh Đồng Tháp nói riêng và vùng Đồng bằng sông Cửu Long nói chung, nắm giữ vai trò quan trọng và tiên phong trong liên kết và hợp tác liên vùng.

### **3. Vùng phía Tây Nam: Vùng kinh tế hậu cần ven sông Hậu**

Vùng phía Tây Nam liên kết không gian vùng các huyện phía Nam tỉnh Đồng Tháp (huyện Lấp Vò, huyện Lai Vung, huyện Châu Thành). Với vị thế điểm giao giữa trục đường bộ quốc gia N2 và trục đường thủy quốc gia theo sông Hậu, vùng phía Tây Nam đóng vai trò là đầu mối hạ tầng, dịch vụ cấp vùng quan trọng, giúp kết nối hoàn thiện các chuỗi giá trị cho tỉnh Đồng Tháp nói riêng và cụm đô thị trung tâm vùng Đồng bằng sông Cửu Long nói chung.

### **4. Vùng phía Đông Bắc: Vùng kinh tế sinh thái nông nghiệp trung tâm Đồng Tháp Mười**

Vùng phía Đông Bắc liên kết tổng thể không gian vùng nội địa phía Bắc tỉnh Đồng Tháp, bao gồm các huyện Tân Hồng, huyện Tam Nông, huyện Thanh Bình, huyện Cao Lãnh, huyện Tháp Mười. Với vị trí cửa ngõ kết nối với Long An và TPHCM, đây là vùng có nhiều dư địa phát triển, nhiều lợi thế trở thành vùng sản xuất nông nghiệp đổi mới thích ứng cao, vườn ươm cho những giá trị phát triển bền vững trong tương lai.

## **VI. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN**

### **1. Các khu vực phát triển đô thị**

- Chuỗi đô thị ven sông Tiền (chuỗi đô thị trung tâm) bao gồm TP. Cao Lãnh, TP. Sa Đéc; hệ thống đô thị phía Tây các huyện Tam Nông, huyện Thanh Bình; phía Nam huyện Cao Lãnh; phía Bắc các huyện Lấp Vò, huyện Lai Vung, huyện Châu Thành. Chuỗi đô thị này gắn với các trục cao tốc Hồng Ngự - Cao Lãnh - Trà Vinh, QL N2, QL30, Đường ven sông Tiền, QL80; với TP. Cao Lãnh và TP. Sa Đéc là đô thị trung tâm tiểu vùng.

- Tiểu vùng đô thị biên giới (chuỗi đô thị phía Bắc) bao gồm TP. Hồng Ngự và hệ thống đô thị thuộc các huyện Hồng Ngự, huyện Tân Hồng. Tiểu vùng đô thị phía Bắc gắn với điểm đầu của tuyến cao tốc Hồng Ngự - Cao Lãnh - Trà Vinh, QL N1 và hệ thống cửa khẩu đường bộ, đường thủy phía Bắc tỉnh Đồng Tháp; với TP. Hồng Ngự là đô thị trung tâm tiểu vùng.

- Tiểu vùng đô thị ven sông Hậu (chuỗi đô thị phía Tây Nam) bao gồm hệ thống đô thị phía Tây các huyện Lấp Vò, huyện Lai Vung, huyện Châu Thành. Tiểu vùng đô thị phía Tây Nam gắn với QL N2, hành lang kinh tế công nghiệp - hậu cần ven sông Hậu; với thị trấn Lấp Vò là đô thị trung tâm tiểu vùng.

- Tiểu vùng đô thị trung tâm Đồng Tháp Mười (chuỗi đô thị phía Đông Bắc) bao gồm hệ thống đô thị phía Đông các huyện Tân Hồng, huyện Tam Nông, phía

Bắc huyện Cao Lãnh, và huyện Tháp Mười. Tiểu vùng đô thị phía Đông Bắc gắn với QL N2; với thị trấn Mỹ An là đô thị trung tâm tiểu vùng.

## **2. Phương án phát triển mạng lưới đô thị**

- Đến năm 2030 toàn tỉnh Đồng Tháp có 14-19 đô thị, tỷ lệ đô thị hóa đạt trên 42%. Xây dựng thành phố Cao Lãnh, thành phố Sa Đéc và thành phố Hồng Ngự trở thành đô thị thông minh vào năm 2030.

## **VII. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC; PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU**

### **1. Phương án bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học**

- Phân vùng môi trường tỉnh Đồng Tháp (bao gồm vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải và vùng khác) theo định hướng quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia được đề xuất như sau:

+ 05 vùng bảo vệ nghiêm ngặt bao gồm (i) Các khu bảo tồn thiên nhiên cấp quốc gia và cấp địa phương quản lý, bao gồm vườn quốc gia, khu dự trữ thiên nhiên, khu bảo tồn loài - sinh cảnh, khu bảo vệ cảnh quan đã được thành lập và sẽ được thành lập trong kỳ quy hoạch theo quy định của pháp luật về đa dạng sinh học, lâm nghiệp và thủy sản để bảo vệ nghiêm ngặt đa dạng sinh học, phục hồi và bảo tồn nguyên vẹn hệ sinh thái tự nhiên; (ii) Vùng lõi của các di sản thiên nhiên, bao gồm di sản thiên nhiên thế giới, khu Ramsar, vườn di sản ASEAN, công viên địa chất toàn cầu đã được công nhận và sẽ được công nhận trong kỳ quy hoạch để bảo vệ nguyên vẹn các giá trị cốt lõi giữ được nét nguyên sơ tự nhiên của di sản thiên nhiên; (iii) Khu vực bảo vệ I của di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia, di sản văn hóa thế giới đã được công nhận và sẽ được công nhận trong kỳ quy hoạch; (iv) Nội thành, nội thị của đô thị loại III trở lên đã được công nhận và sẽ được công nhận trong kỳ quy hoạch của Tỉnh; (v) Nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt trên địa bàn tỉnh (gồm cả rừng phòng hộ đầu nguồn cấp xung yếu và rất xung yếu, rừng bảo vệ nguồn nước của cộng đồng dân cư) theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.

+ 07 vùng hạn chế phát thải: (i) Vùng đệm của khu bảo tồn thiên nhiên; (ii) Vùng đệm của di sản thiên nhiên, vùng bảo vệ II của di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia, danh lam thắng cảnh; (iii) Nội thành, nội thị của đô thị loại IV, loại V; (iv) Vùng đất ngập nước quan trọng; (v) Hành lang bảo vệ nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt; (vi) Khu vui chơi, giải trí dưới nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định; (vii) Rừng phòng hộ đầu nguồn của nguồn nước mặt sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

+ Vùng bảo vệ khác: các vùng còn lại.

- Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học: Bảo tồn, phát triển và sử dụng bền vững tài nguyên đa dạng sinh học về các nguồn gen, loài sinh vật và hệ sinh thái phong phú trên địa bàn Tỉnh nhằm bảo vệ sức khỏe Nhân dân, bảo vệ môi trường và giá trị đa dạng sinh học. Xây dựng và phát triển các cơ sở bảo tồn loài

và nguồn gen động, thực vật quý hiếm; tổ chức quản lý hiệu quả các khu bảo tồn và hành lang đa dạng sinh học.

## **2. Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu**

- Đảm bảo thông tin kịp thời, chính xác đến các cấp, các ngành và Nhân dân; đảm bảo thông tin dự báo cụ thể, rõ ràng để người dân hiểu và không chủ quan; triển khai phương án dự phòng để đảm bảo thông tin liên lạc phục vụ cho công tác chỉ đạo điều hành khi có sự cố. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ để nâng cao chất lượng và kịp thời cho công tác dự báo, cảnh báo; tổ chức thường xuyên diễn tập phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai.

- Xây dựng và nâng cấp hệ thống hạ tầng phòng, chống thiên tai; nạo vét lòng dẫn, các lòng sông; củng cố hệ thống đê sông; quy hoạch, bố trí dân cư ra khỏi vùng có nguy cơ sạt lở bờ sông; tăng cường năng lực quan trắc khí tượng thủy văn, thiết lập các trạm đo mưa tự động trên các lưu vực sông.

## **3. Phương án thăm dò, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên khoáng sản**

- Khoanh vùng khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên khoáng sản đối với khu vực đất liền gồm: 21 khu vực mở khai thác sét gạch ngói; đất làm vật liệu xây dựng thông thường (đất đắp cho công trình) 39 vị trí; 5 khu vực có khoáng sản than bùn (chưa quy hoạch khai thác giai đoạn này).

- Khoanh vùng khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên khoáng sản đối với khu vực trên sông Tiền, sông Hậu gồm: 18 khối tài nguyên/6 khu vực thân khoáng (03 khối tài nguyên là cát xây dựng và 15 khối tài nguyên cát san lấp); 04 khu vực nạo vét cồn nổi trên sông.

- Xác định 11 khu vực cấm hoạt động khoáng sản và khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn Tỉnh.

## **VIII. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030**

Nguồn lực đất đai phải được điều tra, đánh giá, thống kê, kiểm kê, lượng hóa đầy đủ trong nền kinh tế, được quy hoạch sử dụng hiệu quả, hợp lý, tiết kiệm, bền vững với tầm nhìn dài hạn; đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; phát triển giáo dục, văn hóa, thể thao; bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; tạo động lực cho sự phát triển của Tỉnh. Đảm bảo việc bố trí sử dụng đất hợp lý trên cơ sở cân đối nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực phù hợp với chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022.

- Đến năm 2030: Diện tích đất nông nghiệp 268.437,9 ha, giảm 8.611,0 ha so với hiện trạng năm 2020, diện tích giảm được chuyển sang đất phi nông nghiệp. Diện tích đất phi nông nghiệp có diện tích 69.790,0 ha, tăng 8.611,0 ha so với hiện trạng năm 2020, diện tích tăng được chuyển từ đất nông nghiệp phục vụ nhu cầu phát triển của địa phương. Tổng diện tích đất cần thu hồi khoảng 5.461,8 ha, trong đó đất nông nghiệp 5.434,6 ha, đất phi nông nghiệp 27,2 ha; đất nông nghiệp

chuyển sang phi nông nghiệp khoảng 8.936,8 ha, gồm: đất trồng lúa 4.334 ha, đất trồng cây lâu năm 3.252,8 ha và đất nông nghiệp khác.

- Đến năm 2050: Diện tích đất nông nghiệp 254.256,8 ha, giảm 14.181,1 ha so với năm 2030. Diện tích đất phi nông nghiệp có diện tích 83.971,1 ha, tăng 14.181,1 ha so với năm 2030. Tổng diện tích đất cần thu hồi khoảng 9.479,8 ha, toàn bộ là đất nông nghiệp. Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp khoảng 13.167,7 ha.

## **IX. DANH MỤC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ**

Trên cơ sở định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực trọng điểm, xác định sơ bộ các dự án ưu tiên đầu tư thời kỳ 2021 - 2030 gồm dự án đầu tư công và dự án thu hút nguồn vốn xã hội hóa. Đây là các dự án lớn, có tính chất quan trọng, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế - xã hội. Ngoài ra, tập trung triển khai các dự án thuộc các ngành, lĩnh vực trên cơ sở đảm bảo phù hợp với Quy hoạch Tỉnh và các quy hoạch liên quan khác.

## **X. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN QUY HOẠCH**

### **1. Về huy động, sử dụng nguồn lực, thu hút đầu tư**

- Ưu tiên bố trí nguồn vốn ngân sách nhà nước đầu tư các công trình không huy động được nguồn lực xã hội hoá. Huy động nguồn lực đầu tư các dự án lớn về kết cấu hạ tầng kỹ thuật như giao thông, thuỷ lợi, điện, khu, cụm công nghiệp, đô thị và các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng xã hội. Đa dạng hoá các hình thức huy động vốn.

- Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh của Tỉnh; tập trung thu hút phát triển các ngành công nghiệp, dịch vụ, chế biến nông, thủy sản Tỉnh có lợi thế cạnh tranh; các ngành mũi nhọn như: công nghiệp chế biến, nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp phụ trợ,...

### **2. Giải pháp về chuyển đổi số**

- Thực hiện các nghị quyết của Trung ương, của Tỉnh về chuyển đổi số, trước mắt là trong hệ thống chính trị, tập trung xây dựng chính quyền điện tử, tiến tới chính quyền số, xây dựng thành phố thông minh, quản lý xã hội; thanh toán không dùng tiền mặt,...

- Nâng cao nhận thức về phát triển nền kinh tế số, qua đó có sự chuẩn bị tốt nhất cho thích ứng với xu hướng phát triển mới này. Xây dựng chiến lược về chuyển đổi số, kinh tế số của Tỉnh, khuyến khích cái mới. Chú trọng đầu tư cơ sở hạ tầng số, phát triển sản xuất nội dung số,...

### **3. Phát triển và cung ứng nguồn nhân lực**

- Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; gắn kết chặt chẽ giữa phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ. Thực hiện các chương trình, đề án đào tạo nhân lực chất lượng cao đối với các ngành, lĩnh vực chủ yếu, mũi nhọn. Chú trọng phát hiện, bồi dưỡng, phát huy nhân tài, đào tạo nhân lực cho phát triển kinh tế tri thức.

- Nghiên cứu cơ chế, chính sách thu hút đầu tư các cơ sở giáo dục nghề nghiệp ngoài công lập theo phương án quy hoạch, tạo đột phá về các lĩnh vực và quy mô đào tạo. Tăng cường liên kết các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp sử dụng lao động, triển khai đào tạo theo hình thức đặt hàng.

#### **4. Nhóm giải pháp về môi trường**

Tăng cường năng lực của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường. Tăng cường và đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư cho BVMT, nhất là đầu tư xử lý chất thải; xử lý ô nhiễm và phục hồi môi trường các khu vực đã bị ô nhiễm, suy thoái. Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về BVMT, tăng trưởng xanh, phát triển kinh tế xanh.

#### **5. Nhóm giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển**

- Nghiên cứu, ban hành các cơ chế, chính sách trên các lĩnh vực để thu hút thêm các nguồn lực cho phát triển: cơ chế, chính sách vùng động lực; chính sách, hỗ trợ đầu tư kết nối hạ tầng; chính sách thu hút các nhà đầu tư lớn; chính sách, quy định phát triển các ngành sản xuất sản phẩm thân thiện môi trường; chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa...

- Thường xuyên rà soát các thủ tục hành chính, xây dựng phát triển chính quyền điện tử. Nâng cao chất lượng hoạt động của Trung tâm phục vụ hành chính công Tỉnh. Nâng cao tính năng động, tiên phong, quyết tâm trong thực thi công vụ.

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình hợp tác với các địa phương đã ký kết, đồng thời mở rộng hợp tác với các địa phương khác.

#### **6. Nhóm giải pháp về quản lý, kiểm soát phát triển các khu vực chức năng, phát triển đô thị, nông thôn**

- Đầu tư xây dựng và hoàn thiện hệ thống thông tin đất đai, hồ sơ địa chính theo mô hình hiện đại, tập trung thống nhất mang tính tích hợp. Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc công khai, minh bạch công tác giao đất, cho thuê đất để thực hiện các dự án phát triển kinh tế - xã hội thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống các công cụ tài chính kinh tế đất, phát triển lành mạnh thị trường bất động sản, có cơ chế kiểm soát chặt chẽ, khắc phục tình trạng đầu cơ đất đai.

- Tiếp tục thực hiện lộ trình di dời các cơ sở sản xuất công nghiệp ra ngoài trung tâm các đô thị. Rà soát có quy hoạch cụ thể, tính toán giao quỹ đất phù hợp trên nguyên tắc tiết kiệm, tránh lãng phí tài nguyên đất; đồng thời bảo đảm hiệu quả kinh tế.

#### **7. Thực hiện tốt công tác đảm bảo quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển**

Tiếp tục thực hiện tốt các Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, các Nghị quyết, Chỉ thị, Kế hoạch, Chương trình hành động của Tỉnh về công tác nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương; các Nghị quyết, Chỉ thị của Đảng, Nhà nước về nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự. Triển khai các biện pháp

nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thanh tra, hạn chế chồng chéo gây phiền hà cho người dân và doanh nghiệp.

### **8. Tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch**

- Tổ chức công bố công khai quy hoạch bằng nhiều hình thức khác nhau, tạo sự đồng thuận, nhất trí cao trong triển khai thực hiện.

- Thực hiện rà soát, điều chỉnh, bổ sung và xây dựng mới quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch sử dụng đất cấp huyện và các quy hoạch khác theo quy định của pháp luật về Quy hoạch theo hướng đồng bộ.

- Tổ chức xây dựng kế hoạch hành động thực hiện hành động, xây dựng các chương trình, dự án xây dựng chính sách, đánh giá và huy động nguồn lực để đảm bảo việc thực hiện quy hoạch có hiệu quả. Định kỳ 5 năm tổ chức đánh giá tình hình thực hiện quy hoạch của từng thời kỳ, bổ sung và điều chỉnh lại mục tiêu cho phù hợp với tình hình thực tế. Các cấp, các ngành và UBND cấp huyện rà soát, điều chỉnh, bổ sung các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội bảo đảm phù hợp với Quy hoạch được duyệt.

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân Tỉnh hoàn chỉnh các hồ sơ, thủ tục Quy hoạch tỉnh Đồng Tháp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

**Điều 3.** Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp Khóa X, Kỳ họp đột xuất lần thứ tư thông qua ngày 31 tháng 3 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

#### **Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- TT.HĐND, UBND, UBMTTQVN Tỉnh;
- Đoàn ĐBQH Tỉnh;
- Đại biểu HĐND Tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, tổ chức CT-XH Tỉnh;
- TT.HĐND, UBND huyện, thành phố;
- Cổng Thông tin điện tử Tỉnh;
- Lưu: VT, Phòng Công tác HĐND.

#### **CHỦ TỊCH**

**Phan Văn Thắng**